

Giữ căn cốt Việt trong giáo dục hiện đại

ISSN: 2734-9195 14:45 24/08/2026

Nếu nhà trường chỉ cung cấp kiến thức nhưng không xây dựng được hệ quy chiếu văn hóa, đạo đức và lịch sử, người trẻ rất dễ trở thành người tiêu thụ thông tin thay vì người làm chủ thông tin.

Thước đo sâu xa hơn nằm ở câu hỏi: Sau 12 năm học phổ thông, chúng ta muốn hình thành một con người Việt Nam như thế nào?

Điều 2 Luật Giáo dục năm 2019 xác định mục tiêu **giáo dục** là phát triển toàn diện con người Việt Nam; trong đó người học phải có đạo đức, tri thức, văn hóa, phẩm chất, năng lực, ý thức công dân, “có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”.

Điều 3 đồng thời xác định nền **giáo dục** Việt Nam có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại.

Như vậy, “hiện đại” và “dân tộc” không phải hai giá trị loại trừ nhau.

Đáng chú ý hơn, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo tiếp tục khẳng định giáo dục và đào tạo, cùng với khoa học và công nghệ, là quốc sách hàng đầu.

Nghị quyết cũng nhìn thẳng vào thực tế rằng giáo dục vẫn còn những hạn chế, cơ hội tiếp cận giáo dục còn chênh lệch đáng kể giữa các vùng miền và nhóm đối tượng.

Trước đó, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 đã xác định đổi mới giáo dục phải là đổi mới căn bản, toàn diện từ tư tưởng chỉ đạo, mục tiêu, nội dung, phương pháp đến cơ chế, chính sách và điều kiện bảo đảm.

Điều đó cho thấy đổi mới là yêu cầu tất yếu.

Nhưng đổi mới phương tiện không đồng nghĩa thay đổi mục tiêu căn bản của giáo dục quốc gia.

Một chương trình có thể thay đổi; sách giáo khoa có thể thay đổi; phương pháp dạy học phải thay đổi và công nghệ chắc chắn sẽ tiếp tục thay đổi như vũ bão.

Nhưng những câu hỏi về lòng yêu nước, trách nhiệm công dân, đạo đức, nhân cách, giữ gìn ngôn ngữ tiếng Việt, ký ức lịch sử và bản sắc văn hóa không thể bị coi là những giá trị “cũ” cần nhường chỗ cho hiện đại hóa. Bởi đó chính là phần móng của ngôi nhà.

Đừng biến “đa chiều” thành “không phương hướng”

Giáo dục hiện đại cần khuyến khích tư duy độc lập. Học sinh phải được quyền đặt câu hỏi, phân tích, tranh luận và tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ.

Một thế hệ chỉ biết ghi nhớ kết luận mà không biết vì sao có kết luận ấy sẽ khó có đủ bản lĩnh trước môi trường thông tin toàn cầu.

Nhưng cũng cần phân biệt rất rõ tư duy đa chiều với sự tương đối hóa mọi giá trị.

Lịch sử có thể được tiếp cận bằng nhiều phương pháp, nhưng sự kiện lịch sử không vì thế mà biến thành vật liệu tùy ý diễn giải.

Nỗi đau của từng cá nhân trong chiến tranh cần được tôn trọng, nhưng từ nỗi đau cá nhân không thể tùy tiện suy rộng thành sự phủ định bản chất của công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Đây chính là nơi giáo dục lịch sử và giáo dục công dân cần làm tốt hơn, chứ không phải làm ít đi.

Người trẻ ngày nay tiếp xúc mỗi ngày với một lượng thông tin mà những thế hệ trước không thể hình dung. Mạng xã hội, video ngắn, thuật toán đề xuất và trí tuệ nhân tạo có thể đưa một học sinh tiếp xúc đồng thời với hàng chục hệ giá trị khác nhau.

Nếu nhà trường chỉ cung cấp kiến thức nhưng không xây dựng được hệ quy chiếu văn hóa, đạo đức và lịch sử, người trẻ rất dễ trở thành người tiêu thụ thông tin thay vì người làm chủ thông tin.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng trong giáo dục vì thế không thể chỉ hiểu là tăng thêm những bài học mang tính tuyên truyền.

Cách bảo vệ bền vững hơn là làm cho học sinh hiểu lịch sử đủ sâu để không dễ bị xuyên tạc lịch sử; hiểu văn hóa đủ sâu để không tự ti về dân tộc; có năng lực phản biện đủ mạnh để tự nhận diện thông tin sai lệch.

Đó mới là sức đề kháng tư tưởng thực chất.



Tăng, ni sinh Học viện PGVN tại Hà Nội

Ngoại ngữ phải là cánh cửa ra thế giới, không phải cánh cửa rời xa tiếng mẹ đẻ

Ngày 27/10/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2371/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045”.

Đây là một chủ trương lớn và có cơ sở từ yêu cầu hội nhập. Một quốc gia muốn phát triển khoa học, công nghệ, thương mại và nghiên cứu quốc tế chắc chắn cần một thể hệ có năng lực ngoại ngữ cao.

Nhưng chính ở đây, giáo dục cần trả lời một câu hỏi khó hơn: Khi tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học thì tiếng Việt sẽ được củng cố như thế nào để tiếp tục là nền tảng tư duy, văn hóa và căn cước của người Việt?

Một học sinh hoàn toàn có thể giỏi tiếng Anh đồng thời giỏi tiếng Việt.

Một nhà khoa học có thể công bố kết quả nghiên cứu bằng tiếng Anh với quốc tế nhưng vẫn có khả năng diễn đạt những tư tưởng phức tạp bằng tiếng mẹ đẻ.

Điều đáng lo không phải là trẻ em học nhiều ngoại ngữ.

Điều đáng lo là ngoại ngữ phát triển nhanh hơn năng lực tiếng mẹ đẻ và tri thức văn hóa của chính các em.

Ngôn ngữ không đơn thuần là công cụ giao tiếp, mà ngôn ngữ lưu giữ ký ức của một cộng đồng.

Trong tiếng Việt có ca dao, tục ngữ, Truyện Kiều, văn học yêu nước, văn học Phật giáo thời Lý - Trần; có Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Chí Minh và cả một kho tàng tư tưởng được tích tụ qua nhiều thế hệ.

Một đứa trẻ có thể sử dụng ngoại ngữ thành thạo là điều đáng mừng. Nhưng nếu em không hiểu những lớp nghĩa căn bản của tiếng mẹ đẻ, không biết lịch sử quê hương và không cảm nhận được chiều sâu văn hóa Việt Nam thì giáo dục vẫn còn một khoảng trống rất lớn.

Hiện đại nhưng không thể để ai ở lại phía sau

Một vấn đề khác cần được nhìn nhận thẳng thắn là công bằng giáo dục. Nghị quyết 71-NQ/TW đã chỉ ra sự chênh lệch trong cơ hội tiếp cận giáo dục giữa các vùng miền và nhóm đối tượng.

Trong khi đó, Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được phê duyệt tại Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 đặt mục tiêu rất cao là đến năm 2030 giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến của khu vực châu Á và đến năm 2045 đạt trình độ tiên tiến của thế giới.

Chiến lược đặt mục tiêu tỷ lệ hoàn thành tiểu học đạt 99,7%, trung học cơ sở đạt 99%, trung học phổ thông đạt 95%; đồng thời hướng tới 100% phòng học kiên cố ở các cấp phổ thông.

Đó là những mục tiêu đáng kỳ vọng. Nhưng một chính sách giáo dục chỉ thực sự thành công khi đứa trẻ ở miền núi, biên giới, hải đảo cũng có cơ hội tiến bộ cùng với đứa trẻ ở những đô thị lớn.

Nếu một bên có giáo viên bản ngữ, phòng học thông minh, thiết bị số và môi trường ngoại ngữ thường xuyên, trong khi bên kia còn thiếu giáo viên hoặc cơ sở vật chất, thì cùng một chương trình có thể tạo ra những kết quả rất khác nhau.

Vì vậy, trước mỗi cuộc cải cách lớn, câu hỏi không chỉ là “chính sách này tiên tiến đến đâu?”, mà còn phải là “những học sinh khó khăn nhất có theo được không?”

Công bằng giáo dục không có nghĩa tất cả học sinh nhận được những điều giống nhau.

Công bằng là mỗi học sinh được cung cấp những điều kiện cần thiết để có cơ hội phát triển.

Từ triết lý Phật giáo, nhìn lại mục tiêu “trồng người”

Phật giáo nhìn giáo dục con người không đơn thuần như quá trình tích lũy tri thức.

Trí tuệ phải đi cùng đạo đức. Hiểu biết càng lớn thì trách nhiệm đối với cộng đồng càng phải lớn.

Một người có kiến thức nhưng thiếu lòng nhân ái có thể sử dụng chính kiến thức ấy để gây tổn hại đến xã hội.

Một người rất giỏi công nghệ nhưng thiếu trách nhiệm xã hội chưa chắc đã trở thành một công dân tốt.

Tinh thần ấy có nhiều điểm gặp gỡ với mục tiêu phát triển toàn diện con người Việt Nam mà Luật Giáo dục và các chiến lược giáo dục của Nhà nước đang đặt ra.

Giáo dục vì thế không thể chỉ hỏi học sinh “em biết bao nhiêu?”, mà còn phải hỏi: “em trở thành người như thế nào?”

Đây chính là vấn đề cần được đặc biệt quan tâm trong thời đại trí tuệ nhân tạo.

Máy móc ngày càng có thể tính toán nhanh hơn con người. AI có thể dịch ngoại ngữ, tổng hợp tài liệu và hỗ trợ giải quyết nhiều bài toán phức tạp.

Nhưng máy móc không thể thay con người chịu trách nhiệm đạo đức đối với lựa chọn của mình.

Bởi vậy, khi công nghệ càng phát triển, giáo dục đạo đức, lịch sử, văn hóa và trách nhiệm công dân càng trở nên quan trọng hơn.

Giữ gốc để đi xa

Đổi mới giáo dục không đáng sợ, mà điều đáng lo là đổi mới mà không xác định rõ những giá trị nào phải được giữ lại.

Việt Nam cần những công dân sử dụng ngoại ngữ thành thạo, và cần những kỹ sư trí tuệ nhân tạo, chuyên gia bán dẫn, nhà khoa học dữ liệu và những con người có khả năng cạnh tranh toàn cầu.

Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030 cũng đặt mục tiêu tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM đạt 35%, thể hiện rất rõ yêu cầu chuẩn bị nguồn nhân lực cho nền kinh tế tri thức.

Nhưng đất nước đồng thời cần những con người hiểu mình là ai.

Do đó, chương trình và sách giáo khoa cần tiếp tục được rà soát bằng những tiêu chí minh bạch về khoa học, lịch sử, văn hóa và giáo dục nhân cách.

Giáo dục lịch sử cần chuyển từ bắt học sinh ghi nhớ sự kiện sang giúp các em hiểu bản chất sự kiện và có khả năng bác bỏ những xuyên tạc bằng chứng cứ.

Giáo dục tiếng Việt cần được đặt ngang tầm với tham vọng ngoại ngữ. Việc triển khai tiếng Anh cần gắn với cơ chế hỗ trợ đủ mạnh cho vùng khó khăn để một chính sách tiến bộ không vô tình làm rộng thêm khoảng cách giáo dục.

Đặc biệt, nhà trường phải trả lại vị trí xứng đáng cho giáo dục đạo đức.

Mục tiêu cao nhất của giáo dục không phải tạo ra một thế hệ giống thế giới, mà mục tiêu phải là tạo ra một thế hệ người Việt Nam đủ bản lĩnh để bước ra thế giới mà không đánh mất mình.

Trước khi trở thành công dân toàn cầu, mỗi đứa trẻ sinh ra và trưởng thành trên đất nước này cần được trang bị đầy đủ để trở thành một công dân Việt Nam có tri thức, có nhân cách, có lòng yêu nước và có khả năng tư duy độc lập.

Một dân tộc không sợ hội nhập khi dân tộc ấy biết mình là ai. Một nền giáo dục cũng không cần đóng cửa trước thế giới nếu nó đủ tự tin vào nền tảng văn hóa của chính mình.

Cánh cửa càng mở rộng, nền móng càng phải chắc. Đó không phải thái độ khước từ hiện đại.

Đó chính là điều kiện để người Việt Nam đi thật xa trong thế giới hiện đại mà vẫn biết con đường trở về với cội nguồn của mình.

Tác giả: **Vũng Nguyễn**